

TRỤ ĐÁ NĂM XƯA

truyện

LÊ CẦN THƠ

(Houston, Texas)

Không biết từ bao đời, cái trụ đá hay nói đúng hơn là một tảng đá to đợc chôn sâu tại khu đất này. Nó bị phù sa theo năm tháng lấp sâu nên không ai có thể nhìn thấy, kể cả hai người canh tác ở hai khu đất kế cận nhau cũng không biết đợc. Bởi vậy mới xảy ra cuộc tranh chấp ranh giới đất đai liên tục từ năm này sang năm khác. Cứ mỗi mùa nước lên, Năm Do phát cỏ rồi kéo vun giồng để làm bờ ranh với chú Tư Nhỏ. Anh còn cẩn thận chặt một bó sậy cắm dọc theo giồng cỏ, sợ nước làm giạt mất lần ranh đất.

Năm Do là cháu nội Cả Phát, chiếm ngụ truyền đời trên mười mẫu đất ruộng màu mỡ này. Cả Phát là một điền chủ nổi tiếng trong vùng từ thời Pháp thuộc. Ông đã làm chủ hàng ngàn mẫu ruộng, và những nông dân quanh đây đều là người trong điền. Cảnh bóc lột công sức và vợ vét lúa thóc sau mỗi vụ mùa, không nói ai cũng biết, Cả Phát chính là con hùm xám của xứ này thời đó. Nhưng khi có cuộc cách mạng tháng Tám rồi Việt Minh cướp chánh quyền, cơ ngơi của Cả Phát đã bị xóa đi. Nông dân trong điền của Cả Phát đợc tạm thời cấp phát đất đai theo chính sách của nhà nước, mà Cả Phát chỉ còn vồn vẹn có mười mẫu do con cháu còn đang trực tiếp canh tác. Bởi vậy, mỗi hiềm khích cứ ăn sâu, bám rễ trong gia tộc Cả Phát, mà ngày nay Năm Do nghiêm nhiên là hiện thân của mỗi hiềm khích đó.

Cũng cần nói thêm ở đây, gia đình Năm Do bây giờ vẫn thuộc giai cấp khá giả. Mười mẫu đất hiện chỉ còn tám mẫu ruộng, hai mẫu kia đã lập vườn trồng cam quýt, huê lợi cây trái hằng năm khá cao. Và, anh đã tự “phân tán mỏng” cho bốn đứa con trai, theo như lời khai báo của anh với chánh quyền địa phương. Riêng hai mẫu của vợ chồng anh thì tiếp giáp với phần đất của chú Tư Nhỏ.

Chú Tư Nhỏ năm nay tuổi ngoài sáu mươi, sống với đứa con trai Út, canh tác trên hai mẫu ruộng do nhà nước Việt Minh cấp năm xưa. Chú Tư có người con trai lớn tham gia kháng chiến trong hàng ngũ Vệ quốc đoàn, và đã tử trận trước ngày đình chiến năm 1954. Hai người con trai kế tiếp trong thời chiến tranh, một đứa ra Cần Thơ học, thi rớt Trung học Đệ nhất cấp phải nhập ngũ mang cấp Trung sĩ bộ binh ở đơn vị Sư đoàn 21, và cũng đã tử trận ở Bà Đầm Thác Lác. Đứa kế tiếp sống tại quê, và đã nghe bạn bè tham gia du kích xã mấy năm, lại bị trúng đạn chết tại vùng Kinh Chệt Thợ. Bây giờ, nhà Chú Tư có treo bằng “tổ quốc ghi công” của chánh quyền hiện tại về đứa con du kích và người con trai lớn tham gia Vệ quốc đoàn đó. Riêng thím Tư, đã chết bởi một trái đạn pháo binh từ chợ Phong Điền bắn vào năm 1963, để lại cho chú đứa con trai Út mới hai tuổi. Chú Tư đã sống qua những tháng năm cực kỳ buồn khổ trong chiến tranh, nỗi đau mất mát trong cuộc đời mà chú phải gánh chịu. Chú đã bám đất bám làng trên một chiếc ghe nhỏ, cho đến khi có cuộc đổi đời năm 1975. Chú Tư Nhỏ và thằng Út Được mới yên tâm cất lại ngôi nhà trên phần đất hai mẫu của mình, sửa sang lại vườn tược và ruộng đất bị hoang hóa trong chiến tranh. Nhưng phần đất hai mẫu của chú Tư Nhỏ hầu như mỗi năm mỗi bị thu hẹp bởi giồng ranh giáp với Năm Do.

Năm Do trong chiến tranh đã cùng gia đình bỏ làng ra thành thị làm đủ ngành nghề để sinh sống, có lúc hùn hạp với mấy người bạn khá giả làm thầu xây cất nhà cửa. Cuộc sống tương đối khá so với nhiều gia đình bỏ quê tản cư ra tỉnh thành. Sau năm 1975, cả gia đình Năm Do lục tục kéo nhau trở về đất cũ. Công việc đầu tiên là cắm lại ranh đất. Không biết căn cứ vào đâu, hôm đó Năm Do mời chú Tư Nhỏ ra đồng, cầm chia nhọn xom xom một lúc rồi nói:

- Đây rồi! Ông Nội tôi có đánh dấu tại đây là ranh đất giữa tôi với chú, lúc chú được nhà nước Việt Minh cấp đất.

Như để chú Tư Nhỏ không thắc mắc, Năm Do đưa cây chia cho chú Tư Nhỏ xom xom xuống đất nghe “cụp cụp”. Sau đó anh cầm phảng phát cỏ đập vun giồng làm ranh đất. Chú Tư Nhỏ không nói, Chú đang suy nghĩ lung lăm. Bây giờ tranh chấp làm gì cho mích lòng bà con chòm xóm, để thủng thủng chánh quyền địa phương đo đạc rồi có quyết định chớ mất mát gì đâu. Nghĩ vậy, chú quày quã ra về. Chú Tư còn nghĩ, sớm muộn gì đất đai này cũng bị đưa vào làm ăn tập thể như chú đã từng nghe nói ngoài miền Bắc vậy. Hơn nữa, việc tranh chấp đất đai không khéo sẽ gây nên thảm trạng đau lòng mà năm trước đã xảy ra trong xã, khiến mọi người sùng sốt.

Còn nhớ, Hai Tiệp và Hai Nông Dân đã có mối hiềm khích về gia tộc và đất đai, dẫn đến án mạng thật hãi hùng. Hai Nông Dân theo cách mạng và làm chức phận trong xã. Hồi thời Việt Minh, chính Ba của Hai Nông Dân đã từng cầm mã tấu định chém ông Nội của Hai Tiệp, chỉ vì ranh giới đất đai. Ông Nội và Ba của Hai Tiệp phải chấp tay quỳ lạy xin tha mạng chết, là hình ảnh khó thể phai nhạt trong tâm trí của đứa bé Tiệp mới mười một tuổi đời. Mối hận cứ nung nấu trong lòng Hai Tiệp cho mãi đến sau này. Hai Nông Dân vẫn mang thái độ hách dịch của kẻ đang có quyền trong tay về đất đai của xã, một hôm nói với Hai Tiệp phải giao phần đất giáp ranh của ông ta để làm đất công ích cho xã, với lý do là số nhân khẩu trong gia đình của Hai Tiệp không thể canh tác hết phần đất hiện có (tính theo số người lao động). Hai Tiệp khăng khăng không chịu, và cuộc cãi vã xảy ra quyết liệt. Đột nhiên một đêm, sau cơn mưa lớn, Hai Tiệp cùng đứa con trai lớn của mình xách lồng đèn ra

thăm cái đập nước giữa đồng, có mang theo cây phảng phát cỏ. Đèn quá nửa khuya, chỉ có Hai Tiệp trở về, còn thằng con trai lớn thì đi đâu không thấy.

Sáng hôm sau, gia đình đến báo với xã việc phát giác Hai Nông Dân mất tích. Xã cho người đi tìm nhưng không gặp. Bỗng có người nghi là Hai Nông Dân bị giết chết, nên công an, xã đội và cán bộ xã huy động rất đông người ra ruộng cấy hàng ngang đi tìm, trong đó có Hai Tiệp. Đi suốt nửa buổi, khắp cánh đồng vẫn không thấy tăm dạng, chỉ lượm được chiếc nón vải của con trai Hai Tiệp bỏ lại chỗ đập nước. Khi trở về, ủy ban xã đã báo cáo với huyện và có đặt nghi vấn về sự vắng mặt của con trai Hai Tiệp, trong khi Hai Tiệp nói rằng nó đi thành phố thăm bà con. Cuộc truy tìm tông tích của Hai Nông Dân vẫn tiến hành và khi đó Hai Tiệp lại đón tàu ra huyện. Anh đã đến ngay công an huyện để trình bày nội vụ. Và anh đã chỉ chỗ đầm trũng nhiều lục bình, chính anh đã giấu xác Hai Nông Dân sau khi bị chặt làm 3 khúc. Anh chỉ nói vắn tắt với tên trưởng công an: *“Tôi chấp nhận giết người thì đèn mạng. Nhưng tôi cũng xin nói là, tôi đã mãn nguyện vì thấy rằng tôi làm đúng. Tôi đã trả được mối nhục 3 đời của gia tộc tôi. Hai Nông Dân rất đáng bị chết như vậy! Tất cả là do tôi làm. Thằng con tôi có ý ngăn cản nhưng thấy tôi quyết liệt quá, nó đã bỏ chạy trước khi tôi hành động. Nó hoàn toàn không dính líu vụ này.”* Công an hỏi làm cách nào một mình anh mà giết được Hai Nông Dân? Hai Tiệp kể: *“Tôi thấy Hai Nông Dân cầm đèn đi ra ruộng, hai cha con tôi cầm lồng đèn đi theo, được một khoảng thì tôi đã tắt đèn, cố bám theo ông ta. Đến chỗ đập nước của tôi, lúc Hai Nông Dân có tình hi hục dậm cho đập bể, tôi tức quá đã xông lại hét lên, và vừa hét vừa chém thẳng vào anh ta. Hai Nông Dân bị chém bất ngờ, không thể chống đỡ, đã quy xuống. Lúc đó thằng con tôi hoảng hốt bỏ chạy. Con giận còn ngút cao, tôi chặt xác Hai Nông Dân làm 3 khúc và lần lượt vác từ khúc ém dưới trũng lục bình...”* Công an huyện đã cấp tốc vào xã và đi đến ngay địa điểm do Hai Tiệp chỉ, tìm được xác Hai Nông Dân.

Chỉ ba hôm sau, công an huyện xuống tại xã mở tòa án nhân dân xét xử công khai vụ giết chết cán bộ có dự mưu của Hai Tiệp. Anh đã bị kết án tử hình, và thằng con trai của anh cũng bị xử vắng mặt (!).

Chú Tư Nhỏ thở dài khi nhớ chuyện vừa xảy ra tại địa phương mình, mà ngao ngán cho tình đời, tình người. Hai Tiệp giết người thì đèn mạng, đó là lẽ đương nhiên, nhưng dẫn tới án mạng là động cơ nào? Tranh chấp quyền lợi? Vì mối nhục gia tộc? Vì bất mãn những kẻ có quyền thế ra sức hà hiếp mà anh ta không thể tiếp tục kềm chế được? Vết xe trước đổ, vết xe sau phải tránh. Nghĩ như vậy, chú Tư Nhỏ không thể quá khích. Hơn nữa, theo chú thì trước sau gì đất đai cũng bị thu gom vào làm ăn tập thể. Một hôm, chú hỏi Ba Nhựt, là cán bộ nông nghiệp của xã:

- Nghe nói các nơi đã bắt đầu làm theo miền Bắc, là vào tập đoàn tập điếc gì đó, làm ăn tập thể, còn áp mình thì bao giờ đây?

- Sắp tới nơi rồi. Kế hoạch trên đã đặt ra cho xã ta, nhưng chờ cán bộ trên xuống đo đạc, định mức đất đai xong rồi chúng ta mới bắt tay. Xã mình được chọn làm xã điếm, và ngay áp mình lại là áp điếm cho việc khoán sản phẩm mùa tới.

Không để chú Tư Nhỏ hỏi thêm, Ba Nhựt nói tiếp:

- Bởi là xã điếm và áp điếm nên mùa khô này sẽ có kế hoạch đào kinh thủy lợi, tạo điều kiện có đủ nước tưới tiêu cho bảy mươi lăm ngàn mẫu đất, đi vào sản xuất định mức đó chú...

Chú Tư Nhỏ vắn xong điều thuốc rê, bật quẹt. Chú hít một hơi dài, nhả khói lên trần nhà, dáng điệu trầm ngâm suy nghĩ. Tuồng như chú sắp nói một điều gì với Ba Nhựt. Ba Nhựt cầm ly uống cạn phần nước còn lại, mắt nhìn lên hai bằng “Tổ quốc ghi công” treo trên vách buồng. Anh chợt se lòng khi nghĩ đến sự mất mát của chú Tư đối với cuộc chiến tranh gian khổ vừa qua, nhất là chú mang tâm trạng ray rứt, dày dò của một người cha có những đứa con đều bị tử trận cho cả hai phía, quốc gia và cộng sản. Chú đã sống trong nỗi thương tâm của một người cha phải thảm khóc cho những nóm ruột của mình, có lúc phải cầm súng đối kháng nhau trên những miền đất quê hương. Sống trong chế độ hiện tại, hai bằng “Tổ quốc ghi công” của thằng con lớn và thằng con du kích thì được treo hẳn hoi trên vách, còn thằng con Trung sĩ với tờ giấy báo tử năm nào, chú đã cất kín trong tủ mà chẳng thể trưng bày ra. Đây là điều đau xót, bất công mà phận làm cha như Chú khó mà xử cho tròn vẹn. Im lặng một lúc, chú Tư thở dài :

- Chú Ba à, bấy lâu nay tôi có chuyện buồn riêng, định không nói ra. Nhưng hôm nay...

- Chuyện gì, chú Tư cứ nói...

- Về ranh đất của tôi với Năm Do. Cứ mỗi năm, ranh đất cứ lấn sang bên tôi. Mùa nước năm rồi, Năm Do cày đất trước rồi tự làm ranh mới. Đã thế, chú còn nói xiên xỏ về nguồn gốc đất đai, về công lao khai khẩn ngày xưa của Cả Phát... mà bây giờ có người ý lại, dựa hơi chánh quyền mà ung dung thừa hưởng!

- Chú Tư đừng buồn. Sớm muộn gì việc ranh giới đất đai cũng được giải quyết, và chúng tôi tin chắc gia đình Năm Do sẽ thấy được sai trái của mình...

Ba Nhựt là một cán bộ nông nghiệp xã, tuổi còn trẻ, và mới tham gia công tác với chính quyền sau năm 1975, tình làng nghĩa xóm vẫn còn chớ chưa thấy có biểu hiện hống hách, kèn kiệu với bất cứ ai. Việc lui tới nhà này, nhà nọ để tìm cách hòa giải những tranh chấp hằng ngày về ruộng đất, đã tạo cho Ba Nhựt có thói quen chịu đựng, mềm mỏng, và cũng nhờ đó, dù tuổi còn trẻ, Ba Nhựt vẫn có thể truy tìm được những sự kiện xảy ra từ những năm xưa mà đúng ra lúc đó anh chưa mở mắt chào đời. Xã hội nào cũng vậy, có kẻ tốt người xấu, trường hợp Ba Nhựt đối với xã này, chưa nghe ai chê trách những điều xấu mà anh ta gây ra.



Con kinh Thủy lợi cấp ba được đào qua thửa đất của chú Tư Nhỏ và anh Năm Do. Điều bất ngờ xảy ra là lực lượng làm thủy lợi đã phát hiện tảng đá to nằm sâu dưới lòng đất, cách giồng ranh hơn hai tằm, nằm hẳn trong phần ruộng của Năm Do. Người ta hì hục đem tảng đá lên, trong đó thấy có đục hai chữ RANH ĐẤT. Ba Nhựt là cán bộ trong ban

chỉ đạo công trình thủy lợi của xã, đã trực tiếp đến xem xét, đo đạc, đánh dấu vị trí tìm được của tảng đá rồi viết biên bản.

Ba Nhựt làm rất chi tiết. Bởi anh đã nắm được một yếu tố quan trọng, để rồi đây chính anh là người trực tiếp gặp gỡ chú Tư Nhỏ và anh Năm Do để giải quyết việc lấn chiếm ranh đất, một việc làm không mấy tốt đẹp của Năm Do từ mấy năm nay.

Đúng ra, việc giải quyết ranh đất phải có đơn của chú Tư Nhỏ và đem ra họp dân trong ấp; nhưng Ba Nhựt lại muốn thu hẹp để hòa giải trong tình bà con chòm xóm. Buổi chiều hôm đó, trước sân nhà ông chín Thà, trên chiếc đệm trải rộng, bốn người ngồi quây quần nhau uống trà nói chuyện: Anh Ba Nhựt, chú Tư Nhỏ, anh Năm Do và ông Chín Thà.

Sau khi thăm dò dư luận và tìm ra manh mối, anh Ba Nhựt biết được ông Chín Thà là lão ông sống kỳ cựu tại xã này. Năm nay ông đã tròn 90 tuổi, sống một mình bằng nghề vót nan đan rổ và lò đặt cá. Ngày trước, ông là người làm công trong nhà Cả Phát, và cũng là người tin cậy trong việc coi sóc ruộng đất cơ ngơi của ông ta. Bởi vậy mọi tính toán gì của Cả Phát, ông Chín Thà cũng được biết qua để thay mặt chủ điền mà thu góp lúa ruộng, đòi tiền nợ mà tá điền đã vay. Ông Chín Thà đã sống một thời “vàng son” trong điền Cả Phát. Hôm nay, trong buổi hoà giải này, anh Ba Nhựt muốn ông Chín Thà phải là nhân chứng thật sự, hầu nói ra những điều hệ trọng mà có lẽ chính Năm Do và cả chú Tư Nhỏ cũng chưa được biết.

Nắng chiều gần tắt, nhưng cơn nóng như còn kéo dài ra. Những ly nước trà được rót đến tuần thứ ba thì anh Ba Nhựt mới đi thẳng vào vấn đề. Anh mở cuốn sổ tay lấy ra tờ giấy biên bản rồi trải rộng bản đồ ruộng đất trước mặt; tay cầm cây viết chì khoanh tròn một vùng. Anh nói:

- Mùa tới, theo như kế hoạch trên giao thì ấp ta nói riêng, toàn xã nói chung, sẽ bắt đầu đi vào làm ăn tập thể theo khuôn mẫu như miền Bắc. Bước đầu bao giờ cũng gặp trở ngại. “*Vạn sự khởi đầu nan*”, phải không ông Chín, chú Tư, anh Năm...

Ngừng một chút, anh hít nhẹ hơi thuốc sau cùng rồi ném mẩu tàn ra ngoài sân, nói tiếp:

- Tôi thay mặt ủy ban xã, được biết chú Tư và anh Năm đây từ lâu có sự hiểu lầm, buồn phiền nhau về ranh giới đất đai...

- Đâu có chi anh Ba.

Năm Do cướp lời, nhưng ông Chín Thà đã chặn ngang:

- Cháu hãy để chú Ba Nhựt nói hết đã, rồi mình đóng góp ý kiến sau.

- Việc ranh giới đất đai cá thể này, ủy ban đã biết rất rõ. Tuy nhiên, hôm nay tôi muốn nhờ ông Chín nói thật cụ thể cho mọi người nghe. Có như vậy, khi bắt tay vào làm ăn tập thể sẽ không có sự rạn nứt tình cảm giữa bà con chòm xóm với nhau. Trước hết, xin ông Chín kể lại cái trụ đá làm ranh đất mà lực lượng đào kinh thủy lợi đã tìm thấy...

Chú Tư Nhỏ vẫn ngồi im lắng nghe, liên tiếp vắn thuốc hút, hết điếu này sang điếu khác. Anh Năm Do có phen chột dạ, mở toang hai nút áo ngực rồi cầm ly nước uống cạn. Ông Chín Thà sau một hồi suy nghĩ, đã kể lại mọi lai lịch đất đai mà Cả Phát đã chiếm hữu trước đây. Hơn nửa cuộc đời sống trong gia đình Cả Phát, ông Chín Thà trở thành “cọc rần” được tin nhiệm nhất của ông Cả Phát. Sổ sách cho vay nợ và số lúa thóc thu góp hàng năm chính tay ông làm hết. Đến khi cơ ngơi ông Cả Phát bị sụp đổ sau cách mạng tháng Tám dưới chánh quyền Việt Minh năm 1945, đất đai được lấy cấp cho nông dân nghèo

đang làm tá điền cho ông. Cả Phát được “ân huệ” hưởng lại 10 mẫu, vì gia đình ông vẫn còn có người phải trực tiếp lao động. Hôm đó, ông Cả Phát gọi ông Chín Thà lấy tảng đá đục hai chữ RANH ĐẤT rồi đem cắm làm ranh giới phần đất còn lại của mình, với phần đất đã bị mất. Ông còn dặn thêm: *“Mày lán sang đất bên kia một tầm cho tao. Chưa chắc tụi nó ăn đòi ở kiếp, mọc gốc mọc rễ trên đất tao đâu. Đất của tao cũng do công lao vốn liếng của tao đổ ra chớ không phải đi cướp giựt của ai đâu mà cho là tao bóc lột? Trước sau gì tao cũng phải lấy lại”*. Cái ý nghĩ “lấy lại ruộng đất” của ông Cả không thành, bởi khi miền Nam chiến tranh tàn khốc, gia đình ông đã bỏ ruộng đất tản cư lánh bom đạn ngoài thành, tạo lập cơ ngơi mới. Do tuổi già sức yếu, ông đã qua đời. Thời Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu ban hành luật Người Cày Có Ruộng (ngày 26-3), Năm Do là cháu nội của ông Cả, đã khai báo số đất đai ngày trước và đã lãnh tiền truất hữu theo luật này rồi. Bây giờ, sau chiến tranh, bà con tiếp tục trở về khai phá đất đai để lo cày cấy. Kể tới đây, ông quay sang Năm Do: *“Dù tao không được một xẻo đất nào, nhưng tao vẫn vui, vì thấy được bà con chòm xóm lần lượt trở về đông đủ, sống với nhau có nghĩa có tình cận lân. Vậy mà cháu Năm Do mấy mấy năm nay làm ăn xem ra chưa đúng lắm. Nhiều lần tao định nói, nhưng ngại thằng cháu mày hiểu lầm rồi sanh sự. Hôm nay, có mặt chú Ba Nhựt ở đây, tao mới mạnh dạn nói ra, dù biết rằng nói thật thì mất lòng và cũng chẳng có lợi gì cho cá nhân tao, nhưng ít ra trước khi nhắm mắt xuôi tay, tao cũng giải tỏa được những oan khúc mà ngày xưa chính tao có nhúng tay vào. Quyền lợi cá nhân ai mà không nghĩ tới. Nhưng cháu Năm mày có thấy gương của chú Tư Nhỏ không? Hơn hai chục năm làm tá điền cho ông Cả, cơ cực nhiều mà đau khổ cũng nhiều, khi được cấp đất và làm chủ hai mẫu ruộng thì chỉ thú làm ăn. Suốt thời gian chiến tranh khốc liệt, chú vẫn bám lấy miếng đất dưới tầm đạn để cấy trồng, nuôi con, chăm sóc mả mồ cho người thân đã chết đi do cuộc chiến gây ra. Chú Tư Nhỏ lúc nào cũng lặng im trước nghịch cảnh đau lòng, nói chẳng ra lời... Vậy mà, chú vẫn luôn tin tưởng cuộc sống mà làm ăn. Cái ranh đất cứ ngày bị đòi đòi, có lẽ chú Tư Nhỏ đã thấy nhưng không nói ra, tại sao?”*

Ông Chín Thà càng kể càng hăng say. Thấy cái gút đã tự mở ra rồi, mà Năm Do vẫn ngồi thừ ra đó, không cãi, không nói. Anh Ba Nhựt khoát tay xin ông Chín ngừng lại, rồi chỉ vào tấm bản đồ:

- Hôm đào kinh thủy lợi, chúng ta đã tìm gặp trụ đá làm ranh đất nơi đây. Vị trí này cách lằn ranh hiện tại hơn hai tầm đất. Như vậy phần đất của chú Tư Nhỏ đã bị hẹp đi một diện tích khá lớn, phải không anh Năm?

Năm Do áp úng, chưa tìm được lời nào để biện minh việc làm sai trái của mình. Chú Tư Nhỏ mãi bây giờ mới lên tiếng:

- Chú Năm đừng nghĩ là cha con tôi thừa gởi để đòi lại đất đai. Mà đây là do chú Ba Nhựt muốn đặt ra để nhằm giải hòa sự rạn nứt giữa hai gia đình chúng ta. Riêng tôi, tôi muốn chú Năm nên vì quyền lợi chung của bà con chòm xóm mà bỏ qua mọi tị hiềm ngày xưa. Có sướng cùng sướng, gặp khổ cùng khổ với nhau. Đất đai này là của tổ tiên ngàn đời chớ không phải của riêng ai chiếm hữu mà được, chia manh xẻ mún có lợi gì đâu? Thật tình, tôi không buồn giận chú, mà lúc nào tôi cũng thương chú như thằng Hai nhà tôi vậy. Nó chẳng may vắn số, hai người lại cùng tuổi, mỗi lần nhìn chú là tôi chợt nhớ thằng con tôi... Nó bây giờ còn lại gì? Chỉ là tờ giấy công nhận treo trên vách này! Lại thằng Ba, càng

tủi thân nó hơn, đã nằm sâu trong lòng đất quê hương mà hôm nay vẫn không thể trưng bày ra được, bởi chánh quyền ngày nay đâu ai công nhận sự đóng góp của nó!

Ngừng một chút, đưa mắt sang Ba Nhựt như để dò xét phản ứng của cán bộ xã về ý nghĩ vừa nói, chú Tư Nhỏ tiếp tục:

- Chú Ba à, xin lỗi về những điều tôi vừa nói, vì lòng của một người cha đối với con mình. Riêng về câu chuyện hôm nay, tôi nghĩ là, cái trụ đá ranh đất chẳng qua là “tàn tích” của quan niệm thời phong kiến, của sự kỳ thị giai cấp ngày xưa... Bây giờ tôi đề nghị hãy bỏ qua đi. Nếu hôm nay chú Năm Do đã nghe rõ sự thật về trụ đá đó, và ông Chín đã kể lại một cách chính xác như vậy, chắc chắn trong mỗi chúng ta ai cũng hài lòng...

- Chú Tư, hiểu ra sự thật do ông Chín vừa kể, với mấy lời đầy tình nghĩa của chú khiến tôi cảm động, và then vô cùng. Xin thành thật nhận lỗi...

Anh Ba Nhựt cầm bình trà rót thêm vào bốn ly trước mặt, miệng mỉm cười. Trời nhá nhem tối. Con gió từ cánh đồng mùa khô thổi vào, xua đi cái oi nồng ban chiều từ trong lòng mỗi người, hòa với tiếng sóng nước vỗ rì rào bên chân cầu, ai nấy đều cảm thấy dễ chịu.

Câu chuyện TRỤ ĐÁ do chính Ba Nhựt đã kể tôi nghe vào một đêm trời mưa giông trong trại giam Cái Nước năm 1983, lúc anh ấy vượt biên và bị bắt giữ ở đó chung với tôi. Anh Ba Nhựt dù làm cán bộ nông nghiệp xã, nhưng theo như anh nói, chỉ làm để qua ngày tháng, vì trong thâm tâm lúc nào anh cũng muốn thoát ra khỏi vòng kềm tỏa của xã hội mới mà những người đang cai trị đất nước không thể cho anh sống chung được. Bởi vậy, những ngày đi làm tại xã, lúc nào anh cũng muốn đem lại cho bà con những niềm thông cảm, xích lại gần nhau trong tình làng nghĩa xóm, nương nhau để sống, dù bên cạnh cuộc sống có những niềm đau không thể nói, như tâm trạng của chú Tư Nhỏ, như bản án tử hình của anh Hai Tiệp. Dù sao, đây cũng là một nỗi thương tâm của một kiếp người mà mỗi chúng ta, ai cũng muốn tránh đi, để cố tìm sự thanh thản sống cho hết quãng đời còn lại của mình.

Tôi được thả ra trước Ba Nhựt, và lại tiếp tục làm chuyên vượt biên kế tiếp được thành công. Chẳng biết số phận Ba Nhựt rồi sẽ ra sao? Anh hiện còn sống trong nước, hay đã trôi giạt phương nào? Mong rằng, những con người còn chút lương tri và tình người như Ba Nhựt, trước sau gì cũng vượt qua được những thử thách – dù sự thử thách đó đánh đổi bằng cả mạng sống của mình.

HOUSTON, 01 tháng 6 năm 1996

LÊ CÀN THƠ

(Văn Nghệ VỀ NGUỒN - Tây Đô)

[trong tập TRÔI NGANG PHẬN MÌNH, (Bản Thảo Lưu Lại) - Thư Ấn Quán in lần đầu 2009, in lần 2 năm 2017]

